

Bản án số: 354/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2024

V/v: ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hương

Bà Trần Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thiên Dung - Thư ký Toà án của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ích Sáng - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 55/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1994; Số căn cước công dân: 037194008360; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Anh Trần Quang M1, sinh năm 1996; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn L, xã L (nay là phường T), thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2024, bản tự khai ngày 24/07/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Bùi Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quang M1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L (nay là phường T), thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 14/9/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Vợ

chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2019, chị M đã chuyển về Ninh B sinh sống từ đầu năm 2020. Nay chị M xác định cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Quang M1.

Về con chung: Chị M và anh M1 có 02 (hai) con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 03/01/2017 (Giới tính: Nam) và cháu Trần Bùi Thảo T, sinh ngày 26/01/2019 (Giới tính: Nữ). Hiện nay cháu K đang ở với anh M1 còn cháu T đang ở với chị. Nay chị M có nguyện vọng nếu Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn thì chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T còn anh M1 sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và chị không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn là anh Trần Quang M1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án, nhưng anh M1 không đến làm việc nên không có quan điểm giải quyết.

3. Tại các biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 25/7/2024 của Toà án tại địa phương nơi cư trú của anh Trần Quang Minh xác n: Anh Trần Quang M1 cư trú tại thôn L, xã L (nay là phường T), thành phố N, tỉnh Nam Định. Chị Bùi Thị M và anh Trần Quang M1 có 02 con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 03/01/2017 và cháu Trần Bùi Thảo T, sinh ngày 26/01/2019. Quá trình chung sống giữa chị M và anh M1 có phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được. Hiện tại chị M đã cùng hai con chung về quê ngoại ở N.

4. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2024 của cháu Trần Gia K, sinh ngày 03/01/2017 xác nhận: Hiện cháu đang ở với anh M1 và nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh M1 chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. Về con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 03/01/2017 cho anh M1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao con chung là cháu Trần Bùi Thảo T, sinh ngày 26/01/2019 cho chị M trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chấp nhận quan điểm của chị M không yêu cầu anh M1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh M1.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Bùi Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Trần Quang M1. Xét thấy, tranh chấp giữa chị M và anh M1 là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Quang M1 có địa chỉ cư trú tại xã L (nay là phường T), thành phố N, tỉnh Nam, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

[1.2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là anh Trần Quang M1 đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn là chị Bùi Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Trần Quang M1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 14/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là phường T), thành phố N, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên không hoà hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án, đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải tạo điều kiện để hai bên đoàn tụ nhưng anh M1 đều vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, chị M có ý kiến giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Quang M1.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị M và anh Trần Quang M1 hiện đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Trần Quang M1.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị M và anh Trần Quang M1 có 02 (hai) con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 03/01/2017 (Giới tính: Nam) và cháu Trần Bùi Thảo T, sinh ngày 26/01/2019 (Giới tính: Nữ)

Xét thấy cháu K hiện tại đang ở với anh M1 và đi học tiểu học tại xã L (nay là phường T), thành phố N, tỉnh Nam Định. Đồng thời, cháu K có nguyện vọng được ở với bố và chị M cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh M1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Đối với cháu T, xét thấy hiện tại cháu còn nhỏ, giới tính nữ, từ khi chị M và anh M1 sống ly thân cháu đã ở với chị M, nay chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con vì bản thân chị có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử giao cho chị Bùi Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Bùi Thảo T, giao cho anh Trần Quang M1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và cháu Trần Gia K. Về cấp dưỡng nuôi con, chị M và anh M1 đều mỗi người nuôi một cháu nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Bùi Thị M phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Trần Quang M1.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị Bùi Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Bùi Thảo T, sinh ngày 26/01/2019 (Giới tính: Nữ); Số định danh cá nhân: 03619000779.

- Giao cho anh Trần Quang M1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Gia K, sinh ngày 03/01/2017 (Giới tính: Nam); Số định danh cá nhân: 036217013148.

Về cấp dưỡng: Chị Bùi Thị M và anh Trần Quang M1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Bùi Thị M và anh Trần Quang M1 đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) chị M đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002231 ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị M và anh Trần Quang M1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Bùi Thị M và anh Trần Quang M1 có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND xã Lộc An (nay là phường Trường Thi), TP Nam Định (ĐK ngày 14/9/2016);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Bang